

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
ANOVA
AGRI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
DN: C=VN, S=Hà Chí Minh, L="315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường
Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt
Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ANOVA AGRI, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ANOVA AGRI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0301447257, E=
phi.nguyensexuan@
anovaagri.com.vn
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.07.30 12:00:22+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	1
Báo cáo tài chính hợp nhất	2
- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRÍ

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm Trình bày lại
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.595.191.634.247	2.281.043.808.201
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	100.442.357.132	274.017.374.262
111	Tiền		99.442.357.132	274.017.374.262
112	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	-
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	257.590.143.354	164.783.162.526
121	Chứng khoán kinh doanh		470.095	470.095
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		773.940.531.501	675.540.531.501
124	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.5	(516.350.858.242)	(510.757.839.070)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.347.084.594.674	1.078.751.781.180
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	771.308.684.369	670.153.768.441
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		211.124.369.157	134.592.863.540
135	Phải thu ngắn hạn khác	V.4	393.324.920.446	289.497.252.061
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(28.673.379.298)	(15.492.102.862)
140	Hàng tồn kho	V.6	646.330.917.485	594.280.233.879
141	Hàng tồn kho		649.305.337.839	595.443.945.943
142	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.974.420.354)	(1.163.712.064)
150	Tài sản sinh học ngắn hạn	V.10	204.406.808.067	143.017.419.301
151	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn		204.406.808.067	143.017.419.301
160	Tài sản ngắn hạn khác		39.336.813.535	26.193.837.053
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.12	12.911.043.608	4.043.847.290
162	Thuế GTGT được khấu trừ		5.794.097.852	2.268.552.966
163	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	20.631.672.075	19.881.436.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
				Trình bày lại
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.665.957.170.294	1.647.993.953.239
210	Các khoản phải thu dài hạn		295.666.494.062	270.282.951.625
212	Trả trước cho người bán dài hạn		132.000.000.000	132.000.000.000
215	Phải thu dài hạn khác	V.4	163.666.494.062	138.282.951.625
220	Tài sản cố định		780.875.827.001	815.590.594.549
221	Tài sản cố định hữu hình	V.7	663.588.407.179	695.726.971.754
222	Nguyên giá		1.386.294.771.480	1.384.691.563.991
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(722.706.364.301)	(688.964.592.237)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	19.508.374.142	20.523.825.866
225	Nguyên giá		26.005.404.773	26.005.404.773
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.497.030.631)	(5.481.578.907)
227	Tài sản cố định vô hình	V.9	97.779.045.680	99.339.796.929
228	Nguyên giá		163.812.087.207	161.462.087.207
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(66.033.041.527)	(62.122.290.278)
230	Tài sản sinh học dài hạn	V.10	114.849.399.003	79.049.084.901
231	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ		114.849.399.003	79.049.084.901
232	a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành		9.160.078.247	7.056.095.241
233	b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành		105.689.320.756	71.992.989.660
234	Nguyên giá		168.059.605.791	165.834.642.116
235	Giá trị khấu hao lũy kế		(62.370.285.035)	(93.841.652.456)
250	Tài sản dở dang dài hạn		85.845.406.906	87.387.406.906
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	85.845.406.906	87.387.406.906
260	Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	143.410.522.613	155.316.256.754
262	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		77.288.267.750	89.851.267.817
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.123.284.778	68.123.284.778
264	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn		(6.310.229.915)	(2.658.295.841)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		4.309.200.000	-
270	Tài sản dài hạn khác		245.309.520.709	240.367.658.504
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.12	159.209.496.774	160.078.792.772
272	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.19	10.068.323.011	9.688.449.234
279	Lợi thế thương mại	V.13	76.031.700.924	70.600.416.498
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)		4.261.148.804.541	3.929.037.761.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm Trình bày lại
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.035.420.138.459	1.800.652.855.732
310	Nợ ngắn hạn		1.915.211.603.946	1.675.990.299.331
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	344.030.820.054	224.547.407.996
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		57.636.461.864	27.681.760.092
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận		28.841.127.239	11.406.274.836
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.15	22.316.375.952	24.126.507.126
315	Phải trả người lao động		23.898.190.449	25.027.507.540
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	107.896.923.299	84.911.322.384
319	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		20.110.324	37.347.760
320	Phải trả ngắn hạn khác	V.17	96.656.848.256	75.751.598.909
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	1.226.607.193.041	1.197.089.021.833
322	Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.742.802.231	1.742.802.231
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.564.751.237	3.668.748.624
330	Nợ dài hạn		120.208.534.513	124.662.556.401
337	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		92.733.112	78.550.400
338	Phải trả dài hạn khác	V.17	280.000.000	280.000.000
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18	-	709.699.895
342	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.19	113.117.718.646	117.243.207.826
343	Dự phòng phải trả dài hạn		6.718.082.755	6.351.098.280
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.20	2.225.728.666.082	2.128.384.905.708
411	Vốn góp của chủ sở hữu		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
412	Thặng dư vốn		426.598.785.061	426.598.785.061
414	Vốn khác của chủ sở hữu		(3.772.154.614)	(3.772.154.614)
418	Quỹ đầu tư phát triển		73.431.660.644	72.502.285.340
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		494.062.320.549	401.801.771.790
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		387.210.229.353	208.801.279.908
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		106.852.091.196	193.000.491.882
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37.564.804.442	33.410.968.131
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		4.261.148.804.541	3.929.037.761.440



Đỗ Thị Mỹ Nhung

Kế toán trưởng kiêm Người lập



Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Hiếu Liêm

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý 2/2026	Quý 2/2025	Năm trước
				Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.494.064.352.291	1.249.429.655.460	2.899.682.840.391
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	108.461.689.782	96.475.159.616	216.901.022.224
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		1.385.602.662.509	1.152.954.495.844	2.682.781.818.167
11	Giá vốn hàng bán	VI.3	1.146.721.505.461	933.997.793.953	2.226.307.661.715
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		238.881.157.048	218.956.701.891	456.474.156.452
22	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	13.946.419.286	9.958.058.955	27.049.161.374
23	Chi phí tài chính	VI.5	32.930.277.761	27.258.538.533	55.887.047.471
24	- Trong đó: Chi phí đi vay		23.884.847.064	17.370.256.603	44.129.753.176
25	Chi phí bán hàng	VI.6	82.762.615.246	72.349.260.961	166.633.782.534
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	55.917.952.055	45.839.151.723	117.733.408.130
27	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.673.851.985	6.401.810.483	11.551.444.705
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27)		86.890.583.257	89.869.620.112	154.820.524.396
31	Thu nhập khác		518.060.800	870.395.101	2.151.551.586
32	Chi phí khác		256.055.883	65.739.234	1.013.215.425
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		262.004.917	804.655.867	1.138.336.161
					167.273.952.632
					1.020.464.573
					264.161.988
					756.302.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		155.958.860.557	168.030.255.217
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại		45.428.821.941	47.765.577.196
03	Các khoản dự phòng		24.603.922.447	274.026.388
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.119.814.116)	6.659.793.990
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(33.868.451.899)	(30.014.123.595)
06	Chi phí đi vay		44.129.753.176	35.821.666.389
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		235.133.092.106	228.537.195.585
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(289.127.161.296)	(44.803.775.228)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(117.354.763.668)	52.948.423.359
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		202.036.499.616	52.760.663.252
12	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(41.694.231.416)	24.917.850.516
14	Chi phí đi vay đã trả		(30.504.004.119)	(20.331.821.813)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.472.028.126)	(16.585.481.097)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(92.838.387.078)	262.042.248.944
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.007.169.635)	(1.800.094.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		763.908.150	212.962.963
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(138.109.200.000)	(23.226.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		35.400.000.000	19.572.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.255.115.957	10.243.542.037
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(91.697.345.528)	5.002.411.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.586.522.001.437	1.311.773.023.036
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.554.210.338.026)	(1.531.598.306.448)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.617.079.598)	(2.617.079.598)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.772.634.933)	(10.660.604.952)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		10.921.948.880	(233.102.967.962)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		(173.613.783.726)	33.941.691.982
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	274.017.374.262	114.424.543.373
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		38.766.596	(22.491.305)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	V.1	100.442.357.132	148.343.744.050



Đỗ Thị Mỹ Nhung

Kế toán trưởng kiêm Người lập



Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Hiếu Liêm

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Anova Agri (Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer) (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 02 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 VND
- Mã chứng khoán: NCG

2. Lĩnh vực kinh doanh: Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cồn và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không****6. Cấu trúc Tập đoàn*****Tổng số các Công ty con***

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: Công ty mẹ và 11 công ty con.

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: Không.

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn đã hoàn tất việc mua Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Quốc Tế trở thành công ty con trong kỳ tại ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty - Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Anova Feed	99,99	99,99
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh		
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	94,96	94,96
Địa chỉ: Số 54-56 Lê Quốc Hưng, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty - Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	99,67	99,67
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Anova Farm	99,84	99,84
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty Liên doanh TNHH Anova	57,00	57,00
Địa chỉ: 36 Đại Lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	99,556	99,556
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Anova Biotech	99,80	99,80
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Anova Tech	85,83	85,83
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty TNHH Asian PacificXo	99,89	99,89
Địa chỉ: 5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, Văn phòng Lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	99,39	99,50
Địa chỉ: Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Quốc Tế	69,92	70,00
Địa chỉ: 12 Ngách 102/62, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam		

Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty - Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu %	Quyền biểu quyết %
Công ty Liên doanh Bio- Pharmachemie	30,00	30,00
Địa chỉ: Số 2/3, Đường Tăng Nhơn Phú, Khu phố 19, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co	23,84	23,84
Địa chỉ: Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội		
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	20,66	21,76
Địa chỉ: Khu vực 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		

7. Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ: 1.961 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Tập đoàn áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc áp dụng Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ so sánh được phân loại lại và trình bày lại nhằm phù hợp với quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC. Việc trình bày lại này không làm thay đổi tổng tài sản, tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu ("Trình bày lại").

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các giao dịch bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày cuối kỳ kế toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày cuối kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí phát sinh. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư: khoản tổn thất do đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tập đoàn đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tập đoàn có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Tập đoàn mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học

Súc vật nuôi được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc cho sản phẩm. Súc vật cho sản phẩm định kỳ được trích khấu hao và trình bày là tài sản dài hạn; súc vật lấy thịt/sản phẩm một lần được trình bày theo chu kỳ thu hoạch. Trường hợp giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ, doanh nghiệp thực hiện trích lập dự phòng tổn thất.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng.

Công cụ, dụng cụ và chi phí khác

Các công cụ, dụng cụ và chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính***

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mua mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một số tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình được ước tính theo quy định.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày cuối kỳ kế toán.

10. Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính khi lập BCTC theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu trong kỳ phát sinh.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung gồm các chi phí về lương, các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRÍ**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	717.299.975	321.010.999
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98.725.057.157	273.696.363.263
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-
Cộng	100.442.357.132	274.017.374.262

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính
- a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	470.095	-	470.095	-
Cộng	470.095	-	470.095	-

- b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn	773.940.531.501	257.589.673.259	675.540.531.501	164.782.692.431
Tiền gửi có kỳ hạn	134.226.588.043	134.226.588.043	35.826.588.043	35.826.588.043
Cho vay	639.713.943.458	123.363.085.216	639.713.943.458	128.956.104.388
Dài hạn	4.309.200.000	4.309.200.000	-	-
Cho vay	4.309.200.000	4.309.200.000	-	-
Cộng	778.249.731.501	261.898.873.259	675.540.531.501	164.782.692.431

- c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	14.821.385.049	-	14.821.385.049	-
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co	28.733.839.420	-	28.733.839.420	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-
Cộng	43.555.224.469	-	43.555.224.469	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tính hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết: không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	26.357.892.089	17.559.687.397
		Mua hàng hóa, dịch vụ	7.875.971.716	7.481.324.105
		Cổ tức nhận được	24.114.444.772	23.740.688.788

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco	33.530.784.778	(6.310.229.915)	27.220.554.863	(2.658.295.841)
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-
Cộng	68.123.284.778	(6.310.229.915)	68.123.284.778	(2.658.295.841)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRÍ

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	6.094.505.965	4.747.469.350
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	6.094.505.965	4.747.469.350
Phải thu khách hàng khác	765.214.178.404	665.406.299.091
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	283.492.793.195	286.492.793.195
Các đối tượng khác	481.721.385.209	378.913.505.896
Cộng	771.308.684.369	670.153.768.441

4. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	393.324.920.446	(13.600.433.148)	289.497.252.061	(645.758.993)
Ký quỹ, ký cược	214.934.351.751	-	171.005.440.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	25.141.944.772	-	1.027.500.000	-
Phải thu khác	153.248.623.923	(13.600.433.148)	117.464.312.061	(645.758.993)
Dài hạn	163.666.494.062	-	138.282.951.625	-
Ký quỹ, ký cược	163.560.339.137	-	138.282.951.625	-
Phải thu khác	106.154.925	-	-	-
Cộng	556.991.414.508	(13.600.433.148)	427.780.203.686	(645.758.993)

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	590.598.449.755	45.574.212.215	572.917.961.423	46.668.019.491
Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	567.794.771.757	43.083.974.119	550.810.127.670	44.452.288.600
Các đối tượng khác	22.803.677.998	2.490.238.096	22.107.833.753	2.215.730.891
Cộng	590.598.449.755	45.574.212.215	572.917.961.423	46.668.019.491

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	22.325.775.410	-	34.516.460.743	-
Nguyên liệu, vật liệu	304.772.435.396	(478.041.800)	303.014.109.750	(478.041.800)
Công cụ, dụng cụ	10.431.626.023	-	9.474.461.872	-
Chi phí SXKD dở dang	119.416.439.153	-	117.418.894.791	-
Thành phẩm	32.934.089.903	(212.017.812)	33.205.314.094	(172.830.376)
Hàng hoá	159.424.971.954	(2.284.360.742)	97.814.704.693	(512.839.888)
Cộng	649.305.337.839	(2.974.420.354)	595.443.945.943	(1.163.712.064)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	622.633.690.931	680.719.790.584	43.885.770.662	32.790.877.954	4.661.433.860	1.384.691.563.991
Mua trong năm	177.120.000	778.962.520	1.631.193.596	419.893.519	-	3.007.169.635
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	867.000.000	-	867.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(772.356.109)	(1.498.606.037)	-	-	(2.270.962.146)
Số cuối kỳ	622.810.810.931	680.726.396.995	44.018.358.221	34.077.771.473	4.661.433.860	1.386.294.771.480
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	257.777.678.422	374.886.881.075	26.612.569.407	26.193.310.763	3.494.152.570	688.964.592.237
Khấu hao trong kỳ	13.326.111.994	18.622.821.789	1.446.357.822	1.140.107.847	102.741.660	34.638.141.112
Thanh lý, nhượng bán	-	(656.923.609)	(239.445.439)	-	-	(896.369.048)
Số cuối kỳ	271.103.790.416	392.852.779.255	27.819.481.790	27.333.418.610	3.596.894.230	722.706.364.301
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	364.856.012.509	305.832.909.509	17.273.201.255	6.597.567.191	1.167.281.290	695.726.971.754
Số cuối kỳ	351.707.020.515	287.873.617.740	16.198.876.431	6.744.352.863	1.064.539.630	663.588.407.179

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

539.589.674.427 VND

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

174.143.705.974 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRICULTURE

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	26.005.404.773	26.005.404.773
Số cuối kỳ	<u>26.005.404.773</u>	<u>26.005.404.773</u>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	5.481.578.907	5.481.578.907
Khấu hao trong kỳ	1.015.451.724	1.015.451.724
Số cuối kỳ	<u>6.497.030.631</u>	<u>6.497.030.631</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	20.523.825.866	20.523.825.866
Số cuối kỳ	<u>19.508.374.142</u>	<u>19.508.374.142</u>

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	98.094.865.106	20.033.222.101	43.334.000.000	161.462.087.207
Đầu tư XDDB hoàn thành	-	2.350.000.000	-	2.350.000.000
Số cuối kỳ	<u>98.094.865.106</u>	<u>22.383.222.101</u>	<u>43.334.000.000</u>	<u>163.812.087.207</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	28.246.767.546	18.708.622.732	15.166.900.000	62.122.290.278
Khấu hao trong kỳ	1.154.642.124	589.409.125	2.166.700.000	3.910.751.249
Số cuối kỳ	<u>29.401.409.670</u>	<u>19.298.031.857</u>	<u>17.333.600.000</u>	<u>66.033.041.527</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>69.848.097.560</u>	<u>1.324.599.369</u>	<u>28.167.100.000</u>	<u>99.339.796.929</u>
Số cuối kỳ	<u>68.693.455.436</u>	<u>3.085.190.244</u>	<u>26.000.400.000</u>	<u>97.779.045.680</u>
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay			68.693.455.436	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			15.748.503.023	VND

10. Tài sản sinh học

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	204.406.808.067	143.017.419.301
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	9.160.078.247	7.056.095.241
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	105.689.320.756	71.992.989.660
Cộng	<u>319.256.207.070</u>	<u>222.066.504.202</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An	43.128.097.087	43.128.097.087
Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên	20.781.671.635	20.781.671.635
Quyền nghỉ dưỡng	20.230.718.184	20.230.718.184
Các công trình khác	1.704.920.000	3.246.920.000
Cộng	85.845.406.906	87.387.406.906

12. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	12.911.043.608	4.043.847.290
Công cụ, dụng cụ	3.248.043.787	3.256.259.529
Các khoản khác	9.662.999.821	787.587.761
Dài hạn	159.209.496.774	160.078.792.772
Tiền thuê đất trả trước	59.702.352.810	60.744.923.112
Các khoản khác	99.507.143.964	99.333.869.660
Cộng	172.120.540.382	164.122.640.062

13. Lợi thế thương mại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại	76.031.700.924	70.600.416.498
Cộng	76.031.700.924	70.600.416.498

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	1.160.668.485	1.223.158.168
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	1.160.668.485	1.223.158.168
Phải trả nhà cung cấp khác	342.870.151.569	223.324.249.828
Các nhà cung cấp khác	342.870.151.569	223.324.249.828
Cộng	344.030.820.054	224.547.407.996

15. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	4.263.644.069	-	5.153.328.997	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.565.985.689	20.012.982.095	16.683.688.905	19.312.982.095
Thuế thu nhập cá nhân	1.852.015.253	122.689.751	2.008.102.163	122.689.751
Các loại thuế khác	634.730.941	496.000.229	281.387.061	445.764.951
Cộng	22.316.375.952	20.631.672.075	24.126.507.126	19.881.436.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	107.896.923.299	84.911.322.384
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại	80.571.849.946	51.057.927.237
Các khoản trích trước khác	27.325.073.353	33.853.395.147
Cộng	107.896.923.299	84.911.322.384

17. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	96.656.848.256	75.751.598.909
Lãi đi vay	76.923.630.955	63.131.468.630
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.733.217.301	12.620.130.279
Dài hạn	280.000.000	280.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	280.000.000	280.000.000
Cộng	96.936.848.256	76.031.598.909

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.223.280.413.548	1.223.280.413.548	1.191.854.862.637	1.191.854.862.637
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.326.779.493	3.326.779.493	5.234.159.196	5.234.159.196
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	709.699.895	709.699.895
Cộng	1.226.607.193.041	1.226.607.193.041	1.197.798.721.728	1.197.798.721.728

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.068.323.011	9.688.449.234
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(113.117.718.646)	(117.243.207.826)
Cộng	(103.049.395.635)	(107.554.758.592)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu									
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu									
	Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.710	289.556.800.536	22.387.838.495	2.004.603.213.188		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	193.000.491.882	23.428.997.762	216.429.489.644		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	513.591.630	(13.486.433.014)	(1.914.372.616)	(14.887.214.000)	
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	(76.293.089)	(67.474.608.089)		
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(10.687.111.378)	(10.687.111.378)		
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	129.227.386	271.908.957	401.136.343		
Số dư cuối năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	401.801.771.790	33.410.968.131	2.128.384.905.708		
Số dư đầu năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	401.801.771.790	33.410.968.131	2.128.384.905.708		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	106.852.091.196	20.215.102.062	127.067.193.258		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	929.375.304	(3.930.779.064)	(18.926.414.871)		
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(15.925.011.111)	(3.930.779.064)	(18.926.414.871)		
Tăng do mua mới công ty con	-	-	-	-	-	(18.772.634.933)	(18.772.634.933)		
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	3.753.091.370	3.753.091.370		
Số dư cuối kỳ	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	73.431.660.644	494.062.320.549	37.564.804.442	2.225.728.666.082		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 07/2026/NQ/ĐHĐCĐ-NCG ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Công ty mẹ, các cổ đông đã thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty mẹ đã được phê duyệt năm 2025. Mặt khác, Công ty mẹ đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động năm 2026 của Công ty mẹ với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty mẹ tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến quý II năm 2027.

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.784.325	119.784.325
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000 VND/cổ phiếu	

d. Cổ tức đã trả

: Không phát sinh

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	Nguyên tệ	1.411.289,64	839.532,49

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	2.896.222.245.203	2.434.613.582.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.460.595.188	2.824.101.975
Cộng	2.899.682.840.391	2.437.437.684.542

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	210.108.916.242	181.006.007.236
Hàng bán bị trả lại	4.925.830.542	2.464.950.728
Giảm giá hàng bán	1.866.275.440	6.606.200
Cộng	216.901.022.224	183.477.564.164

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	2.222.648.182.969	1.833.889.970.962
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.848.770.456	1.449.785.103
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.810.708.290	(760.678.053)
Cộng	2.226.307.661.715	1.834.579.078.012

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	23.746.286.912	20.385.604.716
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.666.535.637	1.257.560.995
Chi tiết: + Lãi chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong kỳ	1.546.721.521	1.257.560.995
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.119.814.116	-
Chiết khấu thanh toán	636.338.825	440.032.548
Doanh thu tài chính khác	-	1.258.047
Cộng	27.049.161.374	22.084.456.306

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	44.129.753.176	35.821.666.389
Chiết khấu thanh toán	1.057.850.853	1.315.164.865
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.181.691.568	10.812.001.627
Chi tiết: + Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong kỳ	1.181.691.568	4.152.207.637
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	6.659.793.990
Dự phòng/(hoàn nhập) tổn thất đầu tư	3.651.934.074	-
Chi phí tài chính khác	5.865.817.800	3.043.276.709
Cộng	55.887.047.471	50.992.109.590

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	117.733.408.130	89.383.117.495
Chi phí nhân viên	59.028.753.480	51.324.309.185
Dự phòng/(hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	18.774.295.608	891.764.942
Các khoản chi phí QLDN khác	39.930.359.042	37.167.043.368
b. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	166.633.782.534	143.444.837.834
Chi phí nhân viên	66.758.192.240	50.634.627.005
Chi phí tiếp thị, khuyến mại và quảng cáo	48.988.333.416	44.884.765.679
Các khoản chi phí bán hàng khác	50.887.256.878	47.925.445.150

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	106.852.091.196	149.051.373.262
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	119.784.325	119.784.325
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	892	1.244

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: không phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI**(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)**

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Họ và tên	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị				
Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch	Thù lao	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	Thù lao	-	90.000.000
Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Thành viên	Thù lao	90.000.000	-
Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Thù lao	90.000.000	90.000.000
Thu nhập của các thành viên Ban quản lý				
Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Tổng Giám đốc	Tiền lương	1.973.428.692	-
Trần Mạnh Hào	Tổng Giám đốc	Tiền lương	885.759.000	-
Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	2.221.500.000
Đặng Ngọc Khánh Vân	Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Quản trị hệ thống	Tiền lương	-	109.528.571
Đỗ Thị Mỹ Nhung	Kế toán trưởng	Tiền lương	491.232.000	364.120.000

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Trong kỳ, không phát sinh giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Kỳ này	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	670.714.633.702	1.769.690.525.912	242.147.600.665	229.057.888	-	2.682.781.818.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	116.920.468.565	323.725.200	2.042.316.400	9.197.748.631	(128.484.258.796)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.635.102.267	1.770.014.251.112	244.189.917.065	9.426.806.519	(128.484.258.796)	2.682.781.818.167
Giá vốn hàng bán	642.606.811.359	1.542.683.615.585	150.993.187.176	4.030.336.741	(114.006.289.146)	2.226.307.661.715
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	145.028.290.908	227.330.635.527	93.196.729.889	5.396.469.778	(14.477.969.650)	456.474.156.452
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(284.367.190.664)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						172.106.965.788
Doanh thu hoạt động tài chính						27.049.161.374
Chi phí tài chính						(55.887.047.471)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	11.551.444.705	-	-	-	-	11.551.444.705
Thu nhập khác						2.151.551.586
Chi phí khác						(1.013.215.425)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(30.354.324.910)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.462.657.611
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						127.067.193.258

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	431.065.524.141	1.626.671.046.114	195.639.139.661	584.410.462	-	2.253.960.120.378
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	79.913.936.232	111.634.770	579.783.171	11.422.510.088	(92.027.864.261)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.979.460.373	1.626.782.680.884	196.218.922.832	12.006.920.550	(92.027.864.261)	2.253.960.120.378
Giá vốn hàng bán	407.210.166.407	1.382.379.614.750	128.223.266.839	3.147.860.716	(86.381.830.700)	1.834.579.078.012
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	103.769.293.966	244.403.066.134	67.995.655.993	8.859.059.834	(5.646.033.561)	419.381.042.366
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(232.827.955.329)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						186.553.087.037
Doanh thu hoạt động tài chính						22.084.456.306
Chi phí tài chính						(50.992.109.590)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	9.628.518.879	-	-	-	-	9.628.518.879
Thu nhập khác						1.020.464.573
Chi phí khác						(264.161.988)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(12.780.644.366)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.890.845.198
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						157.140.456.049

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)
Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:						
	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	962.631.185.452	2.206.616.933.786	1.258.008.814.289	-	(2.379.592.043.692)	2.047.664.889.835
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						2.213.483.914.706
Tổng tài sản						4.261.148.804.541
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	402.656.066.459	1.006.822.839.323	327.083.475.120	-	(52.432.914.677)	1.684.129.466.225
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						351.290.672.234
Tổng nợ phải trả						2.035.420.138.459
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	851.894.463.086	2.052.891.539.777	1.091.693.304.290	-	(2.235.819.787.889)	1.760.659.519.264
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						2.168.378.242.176
Tổng tài sản						3.929.037.761.440
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	278.805.235.242	943.175.698.263	181.710.490.199	-	64.116.795.753	1.467.808.219.457
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						332.844.636.275
Tổng nợ phải trả						1.800.652.855.732

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer)

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Thị Mỹ Nhung

Kế toán trưởng kiêm Người lập



Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Hiền Kiêm

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật